



xuàn mù

炫目

adjective · dazzling; blinding

Example Sentences

wǔ tái shàng de dēng guāng fēi cháng xuàn mù
舞台上的灯光非常炫目。

The lights on the stage are very dazzling.

xuàn mù de yáng guāng ràng wǒ zhēng bù kāi yǎn
炫目的阳光让我睁不开眼。

The dazzling sunlight made it hard for me to open my eyes.

Trace each character, then write the word on your own.

[illegible][illegible]